

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

#### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: Bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

##### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Thương mại Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

**Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)****BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	<b>Năng lực tài chính</b>					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính <sup>(4)</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là <b>27.750.744.000 <sup>(6)</sup>VND</b> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

3.3	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	<p>Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(7)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là <b>5.994.161.000</b> <sup>(8)</sup>VND.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị: Tối thiểu: <b>5.994.161.000VND</b> (ghi giá trị);</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 30/06/2026;</li> <li>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự<sup>(9)</sup></b>	<p><b>1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập:</b></p> <p>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn <sup>(11)</sup> tối thiểu 02 công trình có loại kết cấu: Công trình giao thông, cấp: IV<sup>(12)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là (V)</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

		<p>9.990.268.000 VND<sup>(13)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq 19.980.535.780</math> VND (X), với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ trong đó <math>X = 2 \times V</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn <sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p><i>* Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.</i></p>				
--	--	--	--	--	--	--

*Ghi chú:*

(1) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

Ví dụ:

- Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác

mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu =  $t \times$  (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu =  $30\% \times$  Giá gói thầu.

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và có thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 36 tháng, chủ đầu tư có thể quy định năm yêu cầu từ 03 năm đến 08 năm.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố...).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được coi là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m<sup>2</sup>

Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu. 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

#### **a) Nhân sự chủ chốt:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
1	Chỉ huy trưởng	1	Tối thiểu 05 năm hoặc 02 hợp đồng	+ Có trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành xây dựng cầu đường. + Đáp ứng điều kiện hành nghề chỉ huy trưởng theo quy định nghị định 175/2024/NĐ-CP. + Đã trực tiếp chỉ huy trưởng ít nhất 02 công trình giao thông. (Đối với nhà thầu liên danh: Mỗi thành viên liên danh đề xuất 01 chỉ huy trưởng công trường phụ trách phần công việc của thành viên liên danh theo quy định Khoản 7 Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP) <i>* Các tài liệu đính kèm để chứng minh nhân sự theo điểm 5 mục E-CDNT 10.8.</i>
2	Cán bộ kỹ thuật thi công	2	Tối thiểu 03 năm hoặc 01 hợp đồng	+ Có trình độ cao đẳng lên chuyên ngành xây dựng cầu đường. + Đã trực tiếp phụ trách kỹ thuật thi công ít nhất 01 công trình giao thông. <i>* Các tài liệu đính kèm để chứng minh nhân sự theo điểm 5 mục E-CDNT 10.8</i>
3	Cán bộ phụ trách quản lý chất lượng thi công, thanh quyết toán công trình	1	Tối thiểu 02 năm hoặc 01 hợp đồng	- Có trình độ cao đẳng lên chuyên ngành Kinh tế xây dựng hoặc Kỹ thuật xây dựng; có chứng chỉ định giá xây dựng hạng III còn hiệu lực. <i>* Các tài liệu đính kèm để chứng minh nhân sự theo điểm 5 mục E-CDNT 10.8</i>
4	Cán bộ phụ trách an toàn lao động	1	Tối thiểu 02 năm hoặc 01 hợp đồng	- Có trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành Bảo hộ lao động (nếu khác chuyên ngành phải có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực). <i>* Các tài liệu đính kèm để chứng minh nhân sự theo điểm 5 mục E-CDNT 10.8</i>

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Loại Thiết bị: <b>Máy ủi <math>\geq 110CV</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 chiếc
2	Loại Thiết bị: <b>Máy đào <math>\geq 0,4m^3</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 chiếc
3	Loại Thiết bị: <b>Máy đào <math>\geq 1,6 m^3</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 chiếc
4	Loại Thiết bị: <b>Máy lu bánh thép <math>\geq 16T</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 chiếc

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
5	Loại Thiết bị: <b>Máy lu bánh hơi <math>\geq 16T</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 chiếc
6	Loại Thiết bị: <b>Máy san <math>\geq 110CV</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 chiếc
7	Loại Thiết bị: <b>Ô tô tưới nước <math>\geq 5m^3</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 chiếc
8	Loại Thiết bị: <b>Ô tô tự đổ <math>\geq 12T</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	5 chiếc
9	Loại Thiết bị: <b>Máy hàn <math>\geq 23KW</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 cái
10	Loại Thiết bị: <b>Máy cắt bê tông <math>\geq 7,5KW</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 cái
11	Loại Thiết bị: <b>Máy trộn bê tông <math>\geq 250L</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	3 cái
12	Loại Thiết bị: <b>Máy đầm bàn <math>\geq 1KW</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 cái
13	Loại Thiết bị: <b>Máy đầm dùi <math>\geq 1.5KW</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 cái
14	Loại Thiết bị: <b>Máy đầm đất cầm tay <math>\geq 70kg</math></b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	2 cái
15	Loại Thiết bị: <b>Máy thủy bình</b> ; Đặc điểm thiết bị: Có đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tại điểm 6 E-CDNT 10.8 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	1 máy

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

### 2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không

## Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

### 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

Sử dụng phương pháp chấm điểm E-HSĐT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)		
		Điểm tối đa	Chi tiết	Điểm tối thiểu
1	<b>Mức độ đáp ứng yêu cầu về chất lượng và số lượng cung cấp vật tư, vật liệu</b>	25		20
1.1	<p><i>Nguồn cung cấp nguyên liệu, mỏ vật liệu và nguồn cung cấp vật tư chủ yếu theo yêu cầu của gói thầu (vật tư, vật liệu cho BTXM, sắt thép và biến báo các loại...) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. (Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu để chứng minh: Nguồn gốc, xuất xứ, chủng loại vật liệu, tính năng kỹ thuật.</i></p> <p><i>Mỗi loại vật liệu nhà thầu đề xuất phải có bảng thống kê, so sánh đánh giá theo các thông số kỹ thuật chính theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu đề xuất nhiều hơn một loại vật liệu, nhà sản xuất, nhà cung cấp thì phải nêu rõ lý do và cụ thể các khu vực sử dụng.</i></p> <p><i>Trường hợp nhà thầu cung cấp nhiều catalog vật liệu mà không chỉ rõ quy cách, chủng loại, bảng so sánh thông số kỹ thuật chính theo yêu cầu của Chỉ dẫn kỹ thuật, và không chỉ rõ vị trí sử dụng khi nhà thầu đề xuất nhiều hơn một loại vật liệu thì Bên mời thầu sẽ xem xét đánh giá các vật liệu có đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của E-HSMT. Các vật liệu thiếu các thông tin như đã nêu trên, Bên mời thầu có thể yêu cầu làm rõ hoặc xem xét, đánh giá trong giai đoạn thương thảo hợp đồng (nếu cần thiết). Tất cả các vật tư, vật liệu không đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí kỹ thuật của E-HSMT sẽ không được tính điểm)</i></p>	15		12
1.1.1	<i>Đối với Cát</i>	3		
	<p><i>Nêu rõ tên, loại, số lượng, mỏ vật liệu. Nhà thầu tự cung cấp (i) hoặc hợp đồng với đơn vị được phép khai thác, cung cấp (ii) hoặc thỏa thuận nguyên tắc, hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cát.</i></p> <p><i>* Ghi chú:</i></p> <p><i>+ (i) Nhà thầu tự cung cấp: Phải có tài liệu chứng minh được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác</i></p> <p><i>+ (ii) Hợp đồng với đơn vị được phép khai thác, cung cấp: Phải có Hợp đồng kinh tế đã đang thực hiện đối với đơn vị được quyền khai thác.</i></p>	2	0-2	
	<i>Vật liệu phải có thông số kỹ thuật, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-</i>	1	0-1	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)		
		Điểm tối đa	Chi tiết	Điểm tối thiểu
	<i>HSMT (đính kèm tài liệu chứng minh)</i>			
1.1.2	<i>Đối với Đá (cấp phối đá dăm và đá 1x2; 2x4; 4x6)</i>	4		
	<i>Nêu rõ tên, loại, số lượng, mô vật liệu. Nhà thầu tự cung cấp (i) hoặc hợp đồng với đơn vị được phép khai thác, cung cấp (ii) hoặc thỏa thuận nguyên tắc, hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cát. * Ghi chú: + (i) Nhà thầu tự cung cấp: Phải có tài liệu chứng minh được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác + (ii) Hợp đồng với đơn vị được phép khai thác, cung cấp: Phải có Hợp đồng kinh tế đã đang thực hiện đối với đơn vị được quyền khai thác.</i>	2	0-2	
	<i>Vật liệu phải có thông số kỹ thuật, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (đính kèm tài liệu chứng minh)</i>	2	0-2	
1.1.3	<i>Đối với Xi măng</i>	4		
	<i>Nêu rõ tên, loại, số lượng, nhà sản xuất/Xuất xứ; Có cam kết cung cấp vật liệu/ Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp (Kết quả thí nghiệm vật tư, vật liệu, Giấy chứng nhận hợp quy còn hiệu lực của Nhà sản xuất...)</i>	2	0-2	
	<i>Vật liệu phải có thông số kỹ thuật, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (đính kèm tài liệu chứng minh)</i>	2	0-2	
1.1.4	<i>Đối với Giấy dầu, vải địa kỹ thuật</i>	2		
	<i>Nêu rõ tên, loại, số lượng, nhà sản xuất/Xuất xứ. Có cam kết cung cấp vật liệu/ Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp (Kết quả thí nghiệm vật tư, vật liệu, Giấy chứng nhận hợp quy còn hiệu lực của Nhà sản xuất...)</i>	0,6	0-0.6	
	<i>Vật tư phải có thông số kỹ thuật, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (đính kèm tài liệu chứng minh)</i>	1,4	0-1,4	
1.1.5	<i>Đối với sắt thép và biển báo các loại ...</i>	2		
	<i>Nêu rõ tên, loại, số lượng, nhà sản xuất/Xuất xứ. Có cam kết cung cấp vật liệu/ Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp (Kết quả thí nghiệm vật tư, vật liệu, Giấy chứng nhận Chứng nhận CO/CQ; giấy chứng nhận hợp quy còn hiệu lực của Nhà sản xuất...)</i>	0,6	0-0.6	
	<i>Vật tư phải có thông số kỹ thuật, tính năng kỹ thuật,</i>	1,4	0-1,4	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)		
		Điểm tối đa	Chi tiết	Điểm tối thiểu
	<i>tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (đính kèm tài liệu chứng minh)</i>			
<b>1.2</b>	<b><i>Kế hoạch và giải pháp đảm bảo cung cấp đủ số lượng vật tư, vật liệu tiến độ phù hợp với tiến độ thi công yêu cầu:</i></b>	<b>5</b>		<b>4,0</b>
	Kế hoạch, giải pháp tập kết sẵn sàng vật tư đảm bảo tối thiểu 50% số lượng yêu cầu trước khi thi công các hạng mục chính.	3	0-3	
	Kế hoạch tài chính, nguồn tài chính đảm bảo việc cung cấp vật tư, vật liệu theo tiến độ (kèm theo các tài liệu chứng minh).	2	0-2	
<b>1.3</b>	<b><i>Biện pháp, giải pháp quản lý chất lượng vật liệu:</i></b>	<b>5</b>		<b>4,0</b>
	Biện pháp kiểm soát chất lượng vật liệu: Đề cương thí nghiệm, nhân lực và phòng thí nghiệm để kiểm tra, đánh giá chất lượng vật liệu trước và trong quá trình thi công đối với các hạng mục chính.	3	0-3	
	Giải pháp kho bãi chứa vật tư, vật liệu đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	2	0-2	
<b>2</b>	<b><i>Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công chủ yếu cho các công tác chính</i></b>	<b>37</b>		<b>29,6</b>
<b>2.1</b>	<b><i>Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công:</i></b>	<b>5</b>		<b>4,0</b>
	Giải pháp và biện pháp thi công chi tiết giữa các hạng mục để đảm bảo tuyệt đối về an toàn, chất lượng và tiến độ của hợp đồng, đặc biệt là các hạng mục vừa thi công vừa đảm bảo an toàn giao thông	1,5	0-1,5	
	Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công cuốn chiếu kết hợp các mũi thi công (tối thiểu 02 mũi thi công trở lên) đảm bảo yêu cầu tiến độ.	1,5	0-1,5	
	Đề xuất các giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết, hợp lý để đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công cho các hạng mục chính... theo yêu cầu của E-HSMT.	2	0-2	
<b>2.2</b>	<b><i>Biện pháp tổ chức thi công cho các hạng mục chủ yếu và Biện pháp đảm bảo ATGT trong thi công xây dựng công trình đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác theo quy định (Nhà thầu đề xuất trình tự và biện pháp tổ chức thi công gồm thuyết minh và bản vẽ):</i></b>	<b>8</b>		<b>6,4</b>
<b>2.2.1</b>	<i>Bản vẽ tổng mặt bằng công trình thể hiện: Ranh giới công trường; văn phòng công trường; phòng thí nghiệm hiện trường; đường phục vụ thi công; hàng rào tạm; trạm cấp điện; cấp nước; khu vực</i>	1,5	0-1,5	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)		
		Điểm tối đa	Chi tiết	Điểm tối thiểu
	<i>tập kết vật tư, vật liệu, tổ hợp cấu kiện; bãi đổ tạm; các công trình phụ trợ phục vụ thi công ...; Thuyết minh các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh, môi trường, ...</i>			
2.2.2	<i>Biện pháp thi công của nhà thầu thể hiện tính hợp lý, khoa học phù hợp với tính chất, quy mô gói thầu.</i>	2,5		
	<i>Nhà thầu có kinh nghiệm tổ chức thi công công trình với các hạng mục có tính chất, yêu cầu về kỹ thuật, độ phức tạp và quy mô tương tự công trình dự thầu</i>	1	0-1	
	<i>Phân chia giai đoạn thi công hợp lý, khả thi phù hợp với tính chất, quy mô gói thầu (Tính hợp lý và logic của trình tự thi công; Bố trí thiết bị thi công phù hợp với biện pháp phân chia đoạn thi công, đáp ứng yêu cầu thực hiện các loại công tác tại mọi thời điểm; Biện pháp thi công linh hoạt, thể hiện rõ khả năng đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư).</i>	1,5	0-1,5	
2.2.3	<i>Biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông phù hợp đảm bảo khả năng lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường đang khai thác (Bản vẽ tổng thể tổ chức ATGT và phân luồng giao thông từ xa, khu vực thi công; Các nội dung thuyết minh tổ chức thi công đảm bảo cho tuyến đường đang khai thác, các nội dung về biện pháp điều tiết giao thông).</i>	4	0-4	
2.3	<b>Mức độ đáp ứng của thiết bị thi công về số lượng, chủng loại, chất lượng và tiến độ huy động:</b> Theo bảng đánh giá chi tiết dưới đây. <i>(Nhà thầu phải huy động đầy đủ số lượng và cung cấp bản sao y chứng thực đăng ký, kiểm định hoặc các tài liệu tương đương của các thiết bị thi công đề xuất. Đồng thời, có cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT).</i>	14		11,2
2.4	<b>Nhân sự điều hành và kỹ thuật trực tiếp thi công các hạng mục chính</b> (Trường hợp nhà thầu liên danh, mỗi thành viên liên danh phải đáp ứng năng lực nhân sự theo yêu cầu tương ứng với phần công việc đảm nhận)	10		8,0
2.4.1	<b>Chỉ huy trưởng:</b> Có trình độ cao đẳng trở lên	4	0-4	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)		
		Điểm tối đa	Chi tiết	Điểm tối thiểu
	<i>chuyên ngành xây dựng cầu đường; Đã trực tiếp chỉ huy trưởng ít nhất 02 công trình giao thông trong khu vực công trình hoặc tương đương. (Nhà thầu phải cung cấp bản chính (gốc) hoặc bản sao y chứng thực các tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm và vị trí đảm nhận như: HDLĐ, bằng cấp, chứng chỉ, CCCD và xác nhận của chủ đầu tư; Biên bản nghiệm thu... hoặc các tài liệu tương đương khác để chứng minh đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này. Đồng thời, chỉ huy trưởng có ký cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT. Trường hợp không có cam kết thì sẽ không được đánh giá tiêu chí này)</i>			
2.4.2	<b>Cán bộ kỹ thuật thi công:</b> Có trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành xây dựng cầu đường; Đã trực tiếp chỉ huy trưởng hoặc phụ trách kỹ thuật thi công ít nhất 01 công trình giao thông trong khu vực công trình hoặc tương đương. <i>(Nhà thầu phải cung cấp bản chính (gốc) hoặc bản sao y chứng thực các tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm và vị trí đảm nhận như: HDLĐ, bằng cấp, chứng chỉ, CCCD và xác nhận của chủ đầu tư; Biên bản nghiệm thu... hoặc các tài liệu tương đương khác để chứng minh đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này. Đồng thời, các nhân sự chủ chốt có ký cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT. Trường hợp không có cam kết thì sẽ không được đánh giá tiêu chí này)</i>	2	0-2	
2.4.3	<b>Cán bộ phụ trách quản lý chất lượng thi công, thanh quyết toán công trình:</b> Có trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành Kinh tế xây dựng hoặc Kỹ thuật xây dựng; có chứng chỉ định giá xây dựng hạng III còn hiệu lực <i>(Nhà thầu phải cung cấp bản chính (gốc) hoặc bản sao y chứng thực các tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm và vị trí đảm nhận như: HDLĐ, bằng cấp, chứng chỉ, CCCD. Trường hợp không có tài</i>	2	0-2	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)		
		Điểm tối đa	Chi tiết	Điểm tối thiểu
	<i>liệu chứng minh kèm theo thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này. Đồng thời, các nhân sự chủ chốt có ký cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT)</i>			
2.4.4	<b>Cán bộ phụ trách an toàn lao động:</b> Có trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành Bảo hộ lao động (nếu khác chuyên ngành phải có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực). (Nhà thầu phải cung cấp bản chính (gốc) hoặc bản sao y chứng thực các tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm và vị trí đảm nhận như: HDLD, bằng cấp, chứng chỉ, CCCD. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này. Đồng thời, các nhân sự chủ chốt có ký cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT)	2	0-2	
<b>3</b>	<b>Tiến độ thi công</b>	<b>9</b>		<b>7,2</b>
3.1	<i>Tiến độ tổng thể, chi tiết gói thầu:</i>	5		4,0
	Tiến độ thi công tổng thể thể hiện chi tiết các hạng mục đường găng của gói thầu, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với kế hoạch cung cấp vật tư, vật liệu và kế hoạch huy động máy móc thiết bị.	3	0-3	
	Tiến độ hoàn thành chi tiết đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, logic và khả thi giữa các hạng mục công việc thuộc đường găng tiến độ.	2	0-2	
3.2	<i>Giải pháp, tiến độ huy động:</i>	4		3,2
	Giải pháp và biện pháp khắc phục các điều kiện khó khăn như vừa thi công vừa đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, mất điện, nước mưa, mưa bão để đảm bảo tiến độ thi công; tăng ca, nhân lực, thiết bị và vật tư trong trường hợp gặp các trường hợp bất khả kháng làm ảnh hưởng đến tiến độ gói thầu, đặc biệt các giải pháp thi công các hạng mục tại khu vực có mật độ giao thông lưu thông cao.	1	0-1	
	Kế hoạch và tiến độ huy động nhân sự, thiết bị và vật tư sẵn sàng cho thi công công trình (chứng minh sự hợp lý của các mũi thi công chi tiết, tính khả thi và sẵn sàng, ...)	2	0-2	
	Biểu đồ huy động nhân lực, vật liệu và thiết bị phù	1	0-1	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)		
		Điểm tối đa	Chi tiết	Điểm tối thiểu
	hợp với tiến độ tổng thể gói thầu.			
<b>4</b>	<b>Biện pháp đảm bảo chất lượng</b>	<b>9</b>		<b>7,2</b>
	Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng áp dụng trong quá trình thi công tại công trường. Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân tham gia trong việc quản lý chất lượng công trình.	3	0-3	
	Chi tiết hệ thống và sơ đồ chức năng quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu và tại công trường	2	0-2	
	Đề xuất Phòng thí nghiệm xây dựng chuyên ngành độc lập (không thuộc Nhà thầu) được công nhận theo quy định và có đủ chức năng và năng lực, kinh nghiệm thực hiện đối với các hạng mục chính để đảm nhận công tác thí nghiệm cho gói thầu.	2	0-2	
	Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào công trình; Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị; Thuyết minh rõ ràng, đầy đủ, chi tiết công tác giám sát, quản lý chất lượng vật tư, thiết bị; Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão, ngập lụt.	1	0-1	
	Cam kết về chất lượng thi công, thay thế vật tư, thiết bị không phù hợp và sửa chữa các sai sót trong quá trình thi công.	1	0-1	
<b>5</b>	<b>Vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn giao thông, an toàn lao động</b>	<b>6</b>		<b>4,8</b>
	Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường: Tiếng ồn; Bụi và khói; Rung; nước thải; rác thải, vệ sinh.	1	0-1	
	Xác định rõ vị trí và hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện xử lý rác thải xây dựng, vật liệu đổ thải trong quá trình thi công.	1	0-1	
	Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ.	1	0-1	
	Tổ chức đào tạo, thực hiện kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh môi trường	1	0-1	
	Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; an toàn công trình và cư dân xung quanh công trường.	1	0-1	
	Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị.	1	0-1	
<b>6</b>	<b>Yêu cầu về bảo hiểm công trình trong thời gian</b>	<b>5</b>		<b>4,0</b>

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)		
		Điểm tối đa	Chi tiết	Điểm tối thiểu
	<b>xây dựng</b>			
6.1	Đề xuất đơn vị bảo hiểm, đề xuất nội dung bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	3	0-3	
6.2	Có cam kết thực hiện điều kiện bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, điều khoản mở rộng và hạn mức bồi thường trên mỗi vụ tổn thất theo yêu cầu của E-HSMT.	2	0-2	
<b>7</b>	<b>Bảo hành, bảo trì</b>	<b>5</b>		<b>4,0</b>
7.1	Trình bày phương thức và cam kết đầy đủ các nội dung và thời hạn bảo hành đáp ứng tối thiểu theo quy định.	2		
	Thời gian bảo hành >24 tháng	2		
	Thời gian bảo hành 24 tháng	1,4		
	Thời gian bảo hành <24 tháng	0		
7.2	Đề xuất về quy trình bảo trì đối với các kết cấu chính của công trình và cam kết hỗ trợ Chủ đầu tư kịp thời các tài liệu cần thiết để xây dựng và lập quy trình bảo trì công trình theo quy định; hỗ trợ các đơn vị quản lý, khai thác công trình thực hiện công tác bảo trì khi có yêu cầu.	2	0-2	
7.3	Cam kết và chứng minh sẵn sàng trong việc sửa chữa các sai sót trong thời gian bảo hành công trình trong vòng 14 ngày kể từ ngày có thông báo của Chủ đầu tư	1	0-1	
<b>8</b>	<b>Uy tín của nhà thầu</b>	<b>4</b>		<b>3,2</b>
8.1	Kinh nghiệm của nhà thầu: đã thực hiện ít nhất 03 hợp đồng thi công công trình giao thông trong vòng 05 năm trở lại đây	1	0-1	
8.2	Có ít nhất 02 hợp đồng hoàn thành đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc rút ngắn tiến độ so với yêu cầu của hợp đồng; đạt giải thưởng; có bằng khen về chất lượng công trình xây dựng.	1	0-1	
8.3	Nhà thầu đã thực hiện ít nhất 02 hợp đồng tương tự tại khu vực có thủy văn tương tự (*)	2	0-2	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100</b>		<b>80</b>

(\*) Hợp đồng tại khu vực có thủy văn tương tự được hiểu là công trình/hạng mục đã được nhà thầu thực hiện trong điều kiện hiện trường có tính chất tương tự với gói thầu, cụ thể: – Địa hình đồi núi, chia cắt, đường thi công bám sườn dốc, nền đào – nền đắp trên mái dốc lớn; – Thủy văn phức tạp thi công trong điều kiện mưa lũ, sạt trượt có khả năng xảy ra tương tự điều kiện hiện trường của gói thầu này.

Mức điểm yêu cầu tối thiểu là **80 điểm**. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

**Ghi chú:**

Đối với các tiêu chí về Giải pháp kỹ thuật; Biện pháp tổ chức thi công; Tiến độ thi công; Biện pháp bảo đảm chất lượng; Vệ sinh môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an toàn lao động: Trên cơ sở các đề xuất về kỹ thuật của Nhà thầu, Bên mời thầu sẽ xem xét đánh giá giải pháp tổng thể và đánh giá chi tiết từng tiêu chí. Các tiêu chí được đánh giá dựa trên mức độ chi tiết và sự phù hợp với giải pháp tổng thể. Trường hợp giải pháp tổng thể Nhà thầu đề xuất bị đánh giá là không khả thi thì tất cả các tiêu chí cụ thể sẽ không được chấp nhận.

**Bảng xác định hệ số đánh giá:**

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Về hình thức: Trình bày đầy đủ, chi tiết, rõ ràng. - Về nội dung: Được đánh giá là phù hợp với giải pháp tổng thể, khả thi, đúng trình tự, phù hợp đặc điểm, tính chất công trình; tuân thủ các quy trình, quy phạm hiện hành. Thể hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu về giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công theo yêu cầu thuộc Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.	1,0
- Về hình thức: Còn một số thiếu sót về hình thức - Về nội dung: Nội dung vẫn đảm bảo phù hợp với giải pháp tổng thể, khả thi, đúng trình tự, phù hợp đặc điểm, tính chất công trình; tuân thủ các quy trình, quy phạm hiện hành. Thể hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu về giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công theo yêu cầu thuộc Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.	0,8
- Về hình thức: Trình bày chưa rõ ràng, chi tiết - Về nội dung: Nội dung vẫn đảm bảo phù hợp với giải pháp tổng thể, khả thi, đúng trình tự, phù hợp đặc điểm, tính chất công trình; tuân thủ các quy trình, quy phạm hiện hành tuy nhiên thể hiện chưa đầy đủ các nội dung theo yêu cầu về giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công theo yêu cầu thuộc Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.	0,5
- Về hình thức: Không đủ hoặc không rõ thông tin để đánh giá nội dung. - Về nội dung: Không phù hợp với giải pháp tổng thể hoặc không khả thi hoặc không đúng trình tự hoặc không phù hợp với đặc điểm, tính chất công trình hoặc không tuân thủ các quy trình, quy phạm hiện hành hoặc không mô tả biện pháp/giải pháp bằng sơ đồ, bản vẽ	0

**Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

**4.1. Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có):** Không